

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 07/3/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ngọc Bích

2. Ông Trần Tấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Châu Quốc V, sinh năm 1992 – Chủ sở hữu, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo giấy ủy quyền: Bà Châu Ngọc H, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 03, ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1973, có mặt

Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1977, có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 07, ấp K, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Châu Quốc V – Đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N và đại diện nguyên đơn bà Châu Ngọc H trình bày: Ông Phạm Châu Quốc V là chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N, năm 2022 vợ chồng ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T có mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), còn nợ số tiền 300.000.000^d theo giấy Xác nhận công nợ ngày 17/11/2022 và đến năm 2023 vợ chồng ông S bà T tiếp tục mua vật tư nông nghiệp, cộng với nợ cũ năm 2022, nên tổng số nợ là 505.376.000^d theo giấy Xác nhận công nợ ngày 11/5/2023.

Nay ông V yêu cầu vợ chồng ông S bà T trả một lần hết số nợ mua vật tư nông nghiệp số tiền gốc là 505.376.000^d và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày xác nhận công nợ là ngày 11/5/2023 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Lê Hoàng S trình bày: Ông S thừa nhận có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N do ông Phạm Châu Quốc V làm chủ sở hữu để mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), hiện nay còn nợ số tiền là 505.376.000^d theo giấy “Xác nhận công nợ ngày 11/5/2023”. Ông thừa nhận có lặn tay, ký tên, ghi họ tên Lê Hoàng S vào hai giấy “Xác nhận công nợ ngày 17/11/2022 và ngày 11/5/2023”

Nhưng hiện nay ông bà không có khả năng trả một lần hết số nợ cho ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N và nay ông xin trả dần mỗi năm số tiền 40.000.000^d theo hai mùa vụ lúa, ông chỉ đồng ý trả nợ gốc, ông thừa nhận khi xác nhận công nợ có thỏa thuận trả tiền lãi nhưng nay do khó khăn ông không có khả năng thanh toán tiền lãi như ông V yêu cầu.

Bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Bà có biết giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp giữa chồng bà là ông Lê Hoàng S với ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N nhưng bà không biết được số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp bao nhiêu. Khi xảy ra tranh chấp thì bà mới được biết số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp và ông S có nợ tiền vật tư nông nghiệp

của ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N như ông S trình bày và bà cũng thống nhất với ông S về cách trả nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông S bà T trả nợ gốc tiền mua vật tư nông nghiệp số tiền 505.376.000^d cho ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N và lãi suất theo định pháp luật kể từ ngày xác nhận công nợ là ngày 11/5/2023 đến ngày xét xử. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPCTT, ngày 22/01/2024, xem xét án phí dân sự sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Hoàng S, bà Đỗ Thị T có nơi cư trú tại: Tổ 07, ấp K, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và giao dịch được điều chỉnh tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ kiện: Phía Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N đại diện theo pháp luật là ông Phạm Châu Quốc V và vợ chồng ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T có giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) với nhau. Giữa ông V và ông S có làm Giấy xác nhận nợ đề ngày 17/11/2022 và ngày 11/5/2023, còn nợ gốc số tiền 505.376.000^d.

[3] Xét thấy yêu cầu của ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N yêu cầu vợ chồng ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T trả nợ gốc tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) số tiền 505.376.000^d là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì phía nguyên đơn có cung cấp chứng cứ chứng minh là giấy xác nhận nợ ghi ngày 17/11/2022 và ngày 11/5/2023,

có chữ ký xác nhận của ông S và ông S cũng thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp phục vụ cho việc sản xuất lúa, hiện nay còn nợ lại số tiền gốc là 505.376.000^d.

[4] Xét thấy ông S cho rằng số nợ này chỉ một mình ông biết còn vợ ông là bà Đỗ Thị T không biết nhưng tại phiên tòa bà T khai có biết việc ông S mua vật tư nông nghiệp của ông V là chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N, khi xảy ra tranh chấp bà T mới được biết đến số nợ, do đó bà cùng với ông S trả số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N số nợ gốc số tiền 505.376.000^d là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Xét thấy ông Lê Hoàng S xin trả dần mỗi năm 40.000.000^d theo hai mùa vụ lúa cho ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N nhưng Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện Thi hành án là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

[6] Xét thấy nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 18/01/2024 và Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPCKTT, ngày 22/01/2024 về việc Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T là quyền sử dụng đất với diện tích đất 4256,9m², thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: 42 -2019, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại: ấp Kinh I, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 326753 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/5/2019 cho ông Lê Hoàng S đứng tên, được chỉnh lý ngày 06/10/2022 cho bà Đỗ Thị T đứng tên. Hội đồng xét xử nhận thấy việc phong tỏa trên là đúng quy định của pháp luật vì vợ chồng ông S bà T đã có hành vi tẩu tán tài sản thông qua việc làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/01/2024 cho ông Trương Phi H nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[7] Để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc phong tỏa tài sản của ông S bà T và Tòa án có Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2024/QĐ-BPBD ngày 19/01/2024 với số tiền 20.433.000^d đối với ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N về việc Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T là quyền sử dụng đất với diện tích đất 4256,9m², thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: 42 -2019, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại: ấp Kinh I, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 326753 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày

02/5/2019 cho ông Lê Hoàng S đứng tên, được chỉnh lý ngày 06/10/2022 cho bà Đỗ Thị T đứng tên.

[8] Về lãi suất: Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc số tiền 505.376.000^d từ ngày xác nhận nợ là ngày 11/05/2023 đến ngày xét xử (ngày 07/3/2024) là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N về yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, việc các bên đương sự có thỏa thuận về lãi suất nên áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định mức lãi suất là 20%/năm, theo đó lãi suất được tính như sau: Lãi suất tính từ ngày 11/5/2023 đến ngày xét xử (ngày 07/3/2024) là 09 tháng 25 ngày trên số tiền 505.376.000^d [(09 tháng x 1,66% x 505.376.000^d) + (25 ngày x 0,055% x 505.376.000^d)] = 82.452.094^d. Như vậy, ông S bà T phải trả tiền lãi cho ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N số tiền lãi là 82.452.094^d.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông S bà T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) gốc lãi số tiền 587.828.094^d (trong đó nợ tiền gốc là 505.376.000^d, nợ tiền lãi là 82.452.094^d) cho ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự.

[9] Về án phí: Ông S bà T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 27.513.124^d; ông V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N khởi kiện được chấp nhận nên được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp số tiền 12.107.520^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tuyên xử:

1/ Buộc ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) gốc lãi số tiền 587.828.094^d (trong đó nợ tiền gốc là 505.376.000^d, nợ tiền lãi là 82.452.094^d) cho ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-ADBPCKTT, ngày 22/01/2024 về việc Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ông Lê Hoàng S bà Đỗ Thị T là quyền sử dụng đất với diện tích đất 4256,9m², thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: 42 -2019, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại: ấp Kinh I, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 326753 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/5/2019 cho ông Lê Hoàng S đứng tên, được chỉnh lý ngày 06/10/2022 cho bà Đỗ Thị T đứng tên để đảm bảo cho việc thi hành án cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2024/QĐ-BPBD ngày 19/01/2024 với số tiền 20.433.000^d cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N liên hệ Tòa án nhận lại số tiền này.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Hoàng S, bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 27.513.124^d (Hai mươi bảy triệu, năm trăm mười ba nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 12.107.520^d (Mười hai triệu, một trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001795 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương cho ông Phạm Châu Quốc V – chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại N.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ.
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Cao Thị Mai